

Những vấn đề đặt ra với nông nghiệp Việt Nam và các giải pháp đề xuất

HOÀNG THỊ CHINH

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - hoangthichinh@yahoo.com

Ngày nhận:

20/12/2014

Ngày nhận lại:

09/01/2015

Ngày duyệt đăng:

30/01/2015

Mã số:

1214-O-07

Tóm tắt

Xuất phát từ thực trạng suy giảm về tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp trong hơn 10 năm qua, tác giả nhận dạng những đặc trưng cơ bản của nông nghiệp VN hiện nay. Những yếu tố tạo nên sự thành công của nông nghiệp VN trước đây đã đến mức tới hạn, bão hòa. Nông nghiệp VN hiện đang phải đối đầu với những thách thức, áp lực mới từ bên trong lẫn bên ngoài. Nông nghiệp VN muốn phát triển bền vững, cần phải có những thay đổi căn bản cả trong tư duy lẫn hành động. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm đưa nông nghiệp phát triển tốt hơn, bền vững hơn. Bài viết này sử dụng phương pháp định tính như: Phân tích thống kê, phân tích thống kê mô tả, so sánh, v.v. với các số liệu thứ cấp từ *Niên giám thống kê* và từ liệu thu thập được từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư v.v..

Abstract

Từ khóa:

Xuất nhập khẩu nông sản, tái cơ cấu nông nghiệp, liên kết “4 nhà”, quy hoạch.

Keywords:

Export and import of farm products, agricultural restructuring, 4-party cooperation, planning.

Exploring falls in the growth rate of agricultural production in the past 10 years, the author identifies basic characteristics of Vietnam's agriculture. Factors that support success of agricultural development in the past have been tapped to the fullest and the Vietnamese agriculture is facing new challenges and both external and internal pressure for changes. Developing the agriculture requires basic changes in both thinking way and practices. Employing qualitative methods with such instruments as statistical analysis, descriptive statistics and comparison along with secondary data from various sources, including statistical yearbooks, and reports from Ministries of Agriculture and Rural Development, of Industry and Trade, and of Planning and Investment, the author suggests solutions to a higher and sustainable growth for the agricultural sector.

1. Đặt vấn đề

Trong 10 năm qua, sản xuất nông nghiệp VN tiếp tục phát triển và đạt nhiều thành công lớn; tuy nhiên, hiện nay tốc độ phát triển đang chậm lại và có xu hướng giảm dần. Thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp đã giảm từ 4,5%/năm trong giai đoạn 1995–2000 xuống còn 3,8%/năm giai đoạn 2001–2005; 3,4%/năm giai đoạn 2006–2011 và 2,67% giai đoạn 2012–2013 (Tổng cục Thống kê, 2013). Đặc biệt, 6 tháng đầu năm 2014, trong số 5,18% tăng trưởng GDP, khu vực nông - lâm - thủy sản chỉ đóng góp 0,55% vào mức tăng trưởng chung (Báo điện tử Chính phủ, 2014). Nghiên cứu nguyên nhân của sự suy giảm để từ đó có những gợi ý chính sách và đề xuất giải pháp là việc làm cần thiết, góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp VN tiếp tục phát triển một cách bền vững.

2. Một số đặc trưng cơ bản của nông nghiệp VN hiện nay

Nhập khẩu quá nhiều nguyên liệu đầu vào.

Trước hết là nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc. Nếu năm 2011, kim ngạch nhập khẩu bắp, đậu tương, thức ăn gia súc là 3,18 tỉ USD thì đến năm 2012, con số này là 3,73 tỉ USD và năm 2013 là 4,54 tỉ USD (*Kinh tế 2013–2014 VN và thế giới*). Chỉ tính riêng năm 2013, trong khi xuất khẩu gạo thu về 2,95 tỉ USD thì lại phải bỏ ra tới 3 tỉ USD để nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu. Nếu tính cả lượng nhập khẩu bắp, đậu tương và lúa mì thì lên tới 4 tỉ USD, tức là nhập khẩu gấp 1,5 lần xuất khẩu (*Kinh tế 2013–2014 VN và thế giới*). Trong khi VN là một trong 2 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới mà phải nhập khẩu nhiều thức ăn gia súc như vậy là một nghịch lý, mà thức ăn chăn nuôi lại chiếm tới 70% trong giá thành sản phẩm thì rõ ràng ngành chăn nuôi khó có thể đạt hiệu quả cao được. Về thủy sản, mặc dù VN hiện nay là một trong các nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu mặt hàng này nhưng cũng đang phải nhập nguyên liệu đầu vào và có hiện tượng kim ngạch nhập khẩu tăng nhanh hơn kim ngạch xuất khẩu. Trong 6 tháng đầu năm 2014, khi kim ngạch xuất khẩu đạt 3,45 tỉ USD, chỉ tăng 24,2% so với cùng kì năm 2013 thì kim ngạch nhập khẩu đạt 482 triệu USD, tăng tới 70,4% so với cùng kì năm 2013. Nếu tính chung cho cả ngành nông nghiệp thì 6 tháng đầu năm 2014, trong khi kim ngạch xuất khẩu ngành nông nghiệp đạt 14,67 tỉ USD, chỉ tăng 11,2% so với cùng kì năm ngoái thì kim ngạch nhập khẩu là 10,4 tỉ USD, tức là tăng tới 19,4% so với cùng kì năm 2013 (Báo điện tử Chính phủ, 2014). Như vậy, tăng trưởng nhập khẩu đã vượt mức tăng trưởng xuất khẩu. Ngoài nguyên liệu để chế biến thức ăn gia súc, VN

còn nhập nhiều phân bón, thuốc trừ sâu, v.v. và cả các sản phẩm nông nghiệp như cao su, thủy sản, gỗ và các sản phẩm chế biến từ gỗ. Tính chung 11 tháng đầu năm 2014, VN đã nhập khẩu hơn 1 tỉ USD rau quả, lúa mì nhập khẩu cũng tăng gần 20% so với cùng kì của năm 2013 (*Kinh tế và dự báo*, 2014). Nhập nhiều nguyên liệu như vậy cho thấy sự bị động của nông nghiệp VN, lệ thuộc quá nhiều vào thị trường nước ngoài, từ đó khó có thể đảm bảo được tính phát triển bền vững.

Nền nông nghiệp phát triển theo chiều rộng là chính, năng suất thấp, kém hiệu quả.

Thời gian qua, nông nghiệp VN dựa vào khai thác đất đai, nguồn nước, lao động là chủ yếu mà chưa có sự đóng góp nhiều của khoa học công nghệ, tức là vẫn phát triển theo chiều rộng nên tính hiệu quả không cao và kém bền vững. Mức độ cơ giới hóa rất thấp, chủ yếu vẫn là lao động thủ công, dựa vào hao phí lao động cơ bắp của người nông dân là chính nên năng suất lao động rất thấp, thấp hơn hẳn so với các ngành khác (Bảng 1). Số liệu trong bảng cho thấy năng suất lao động của nhóm ngành nông - lâm - thủy sản đạt 39,1% năng suất lao động của cả nước, bằng 21,6% năng suất lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng, và bằng 28,9% năng suất lao động của nhóm ngành dịch vụ (năm 2013). Bình quân thu nhập/tháng của người nông dân hiện chỉ đạt 2,23 triệu đồng là quá thấp, không đủ chi trả cuộc sống hàng ngày nói chi đến tích lũy để mở rộng quy mô sản xuất.

Bảng 1

Năng suất lao động các ngành của VN (triệu/đồng/người)

Ngành	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số	25,3	32,0	37,9	44,0	55,2	62,8	68,4
Nông - lâm - thủy sản	9,5	13,6	14,1	16,8	22,9	26,1	26,8
Công nghiệp - xây dựng		66,7	70,7	78,9	98,3	114,4	124,2
Dịch vụ		42,2	57,9	56,9	76,5	83,3	92,6

Nguồn: *Kinh tế 2013–2014 VN và thế giới*

Trong khi VN là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng hàng đầu thế giới về số lượng người sử dụng điện thoại di động, truy cập Internet nhưng ứng dụng CNTT vào nông nghiệp thì hầu như chưa có bao nhiêu. Mặc dù hiện nay chưa có số liệu thống kê về ứng dụng CNTT trong nông nghiệp nhưng theo nhận định của một số chuyên gia hàng đầu ở VN về CNTT thì cũng có thể đi tới kết luận trên. Cụ thể, tại Diễn đàn cấp

cao ASOCIO - ICT Summit 2014 khai mạc vào ngày 29/10 vừa qua tại Hà Nội, ông Trương Gia Bình, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn FPT, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT (VINASA) đã thừa nhận: Dù VN có tiềm năng về CNTT, có tiềm năng về nông nghiệp nhưng ứng dụng CNTT vào nông nghiệp thì lại đang có một khoảng cách rất lớn so với các nước trong ASOCIO - châu Á - châu Đại Dương) và trên thực tế, việc đưa CNTT vào nông nghiệp đang dừng lại ở giai đoạn “đặt vấn đề” (Trọng Cẩm, 2014). Ông Vũ Hoàng Liên, Chủ tịch Hiệp hội Internet VN cũng khẳng định: Nội dung số cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn vẫn là một bài toán để ngỏ (Hiệp hội điều VN, 2014). Vì một phần chưa sử dụng các sản phẩm của CNTT vào nông nghiệp nên mới có chuyện “được mùa, rớt giá”, rồi “trồng, chặt - chặt, trồng”, người nông dân không nắm bắt được thông tin thị trường, sản xuất hoàn toàn bị động. Chưa ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp dẫn đến hệ quả là sản xuất với năng suất thấp, chi phí cao, hiệu quả thấp. Thí dụ, năng suất đậu tương của nhiều nước trên thế giới đã đạt 4-4,5 tấn/1ha, trong khi đó ở VN chỉ là 1,5 tấn/1ha; năng suất bắp của nhiều nước đạt từ 8 tấn/1ha trở lên, còn VN chỉ đạt 4 tấn/1ha; năng suất mía của Thái Lan cả trăm tấn/1ha thì ở VN chỉ khoảng 60 tấn/1ha, đó là chưa kể chỉ tiêu trừ đường trong mía, phản ánh chất lượng nguồn nguyên liệu mía để sản xuất đường. Ở Thái Lan chỉ cần 9-10 mía được 1 đường thì ở VN phải 12-13 mía mới được 1 đường. Hệ quả là giá thành sản xuất đường ở VN rất cao, hơn 90 triệu người tiêu dùng bị thiệt hại. Người nông dân trồng mía, bán không được, phải đốt bỏ các ruộng mía. Mặc dù trong kho tồn đọng vài trăm ngàn tấn đường nhưng hàng ngày vẫn có đường nhập lậu từ Thái Lan. Thật là những nghịch lý không thể chấp nhận được.

Sản xuất nông nghiệp thiếu quy hoạch, thiếu tính liên kết.

Tình trạng hàng triệu tấn gạo của nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bị rớt giá (chỉ trong vòng 1 tháng, từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2014, giá gạo đã giảm 1.000 đồng/kí, từ 7.600-7.800 đồng xuống còn 6.500-6.600 đồng, theo số liệu của Hiệp hội lương thực VN (Sài Gòn tiếp thị, 2014). Cũng chỉ trong vòng 1 tháng (từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2014), giá cá tra nguyên liệu ở các tỉnh ĐBSCL giảm 3.000 đ/1kg, người nông dân lỗ nặng (Báo Đất Việt, 2014). Điều đó dẫn đến người nông dân không muốn thu hoạch mặc dù đã quá lứa và càng để lại thì càng lỗ vì chi phí thức ăn, công chăm sóc, v.v.. Trong khi diện tích cà phê không ngừng tăng lên: Quy hoạch là 450 nghìn ha nhưng đã phát triển đến 550 nghìn ha và dự báo có thể còn tăng hơn nữa nhưng nguồn nước tưới lại không đảm bảo, chỉ đáp ứng gần 40% nguồn nước mặt, trong đó

hơn 60% phụ thuộc vào nguồn nước ngầm mà nguồn nước này cũng đang ngày càng suy giảm (Việt Linh, 2014). Trên cơ sở thực hiện Chương trình sản lượng 1 triệu tấn đường của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ năm 1997, cả nước lao vào xây dựng các nhà máy đường công suất lớn mà không tính đến quy hoạch vùng nguyên liệu; mặc dù ĐBSCL, nơi có diện tích trồng mía lớn nhất nước nhưng cũng chỉ đáp ứng được nguyên liệu cho 5-6 tháng/năm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2010), tình trạng cũng tương tự như cây ca cao. Ở thời điểm 2009–2010, cây ca cao được coi là cây trồng rất có tiềm năng ở các tỉnh như Bến Tre, Vĩnh Long nhưng do sản xuất không có quy hoạch, chủ yếu mang tính tự phát nên hiệu quả thấp, thị trường tiêu thụ khó khăn, v.v. và người nông dân lại lần lượt chặt bỏ ca cao. Ở Bến Tre, cao điểm lên tới 10.600 ha, nhưng nay chỉ còn 5.200 ha; ở Vĩnh Long, giai đoạn 2008–2011 diện tích ca cao liên tục tăng 100-230 ha/năm thì từ năm 2012–2013 chỉ còn 50 ha/năm. Dự án phát triển cây ca cao giai đoạn 2011–2015 ở Vĩnh Long coi như không đạt được (Sài Gòn giải phóng online, 2014), v.v.. Tất cả là hệ quả tất yếu của việc sản xuất thiếu quy hoạch. Trên thực tế một số nơi cũng đã có quy hoạch vùng nhưng dựa vào ý chí chủ quan là chính mà chưa tính đến nhu cầu của thị trường, chưa làm tốt công tác tổ chức và rà soát việc thực hiện quy hoạch. Sản xuất nông nghiệp VN còn thể hiện tính kém liên kết trên mọi góc độ: Giữa các địa phương, các phân ngành, các đối tượng tham gia, cũng như các khâu trong quá trình sản xuất, v.v.. Thể hiện rõ nhất là liên kết giữa các đối tượng tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp mà lâu nay ta vẫn gọi là liên kết “4 nhà”, đó là nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà nước và nhà khoa học. Thực tế liên kết này còn khá lỏng lẻo, thể hiện trước hết là: (1) Liên kết giữa doanh nghiệp với người nông dân. Về phía doanh nghiệp thì có khi cung cấp vật tư kém chất lượng, không đúng như hợp đồng đã kí kết, còn đầu ra thì “ép giá” người nông dân vì mục tiêu chạy theo lợi nhuận. Còn về phía người nông dân thì có nhiều trường hợp phá vỡ hợp đồng, chạy theo cái lợi trước mắt, mặc dù đã nhận tiền đặt cọc của doanh nghiệp nhưng vẫn sẵn sàng bán ra bên ngoài nếu thấy được giá hơn. (2) Liên kết giữa Nhà nước với người nông dân cũng chưa chặt chẽ. Nhà nước phải giữ vai trò điều tiết mối quan hệ trong toàn bộ chuỗi liên kết thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân yên tâm sản xuất như: Nâng cấp cơ sở hạ tầng (CSHT), quy hoạch các vùng nguyên liệu, tín dụng nông thôn, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, v.v.. Ngoài ra, Nhà nước còn là người kiểm tra, giám sát, bảo đảm tính pháp lý của các hợp đồng kí kết giữa các “nhà” với nhau, nhất là nhà doanh nghiệp và nhà nông. Về nội dung hoạt động trong mối liên kết này thì như thế nhưng trên thực tế Nhà nước cũng chưa thực hiện đầy đủ chức năng

của mình: CSHT còn yếu kém; công tác quy hoạch làm chưa tốt, đầu tư còn ít, v.v.. (3) Liên kết giữa nhà khoa học với người nông dân thể hiện ở chỗ: Nhà khoa học có nhiệm vụ giúp người nông dân nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất bằng cách đưa tiến bộ kỹ thuật và áp dụng những quy trình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp như áp dụng giống mới ngăn ngừa năng suất cao, quy cách bón phân nhằm tiết kiệm mà lại đảm bảo an toàn, chống ô nhiễm, v.v.. Nhưng trên thực tế, vai trò của “nhà” này trong chuỗi liên kết cũng chưa phát huy tốt do chưa có những cơ chế rõ ràng, nhà khoa học chưa được đền đáp xứng đáng với lợi ích mà họ đã mang đến cho người nông dân. Ngược lại, vẫn còn tồn tại những nhà khoa học, các tổ chức khoa học còn thiếu mạnh dạn chưa chủ động tham gia vào mối liên kết này nên vai trò của họ khá mờ nhạt. Rõ ràng, các bên chưa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình dẫn đến hiện tượng phá vỡ hợp đồng, gây tổn hại cho các bên mà người nông dân là người gánh chịu thiệt hại nhiều nhất. Trong khi đó, Nhà nước lại chưa có những chính sách chế tài khiến những vụ tranh chấp, vi phạm hợp đồng vẫn xảy ra thường xuyên.

Sản xuất nhỏ, manh mún, công nghiệp chế biến chưa phát triển.

Do phương châm “Người cày có ruộng” và chính sách hạn điền cùng với phong trào khoán hộ mà đất nông nghiệp VN bị chia cắt quá manh mún, bình quân một hộ chỉ vào khoảng 0,5 ha. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì bờ vùng, bờ thửa hiện nay ở các cánh đồng của VN chiếm tới 18-20% diện tích canh tác, làm cho ruộng đất càng hạn hẹp. Nếu so với Thái Lan, Campuchia thì quy mô cánh đồng VN nhỏ hơn hẳn (Thái Lan bình quân một hộ là 45 ha, Campuchia có những cánh đồng liền khoảnh hàng ngàn ha). Sản xuất nhỏ, manh mún dẫn đến khó thực hiện cơ giới hóa, người nông dân khó tiếp cận tín dụng, và các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, năng suất lao động thấp, giá thành cao, sản phẩm làm ra không đồng nhất cả về chất lượng và mẫu mã, khả năng cạnh tranh kém. Sản xuất manh mún cũng dẫn đến khó áp dụng công nghệ chế biến. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng công nghiệp chế biến vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiều sản phẩm vẫn phải xuất thô, trị giá gia tăng thấp, vì thế nhiều sản phẩm lại có thương hiệu thuộc về nhà chế biến nước ngoài.

Trình độ chuyên môn, trình độ nhận thức của người nông dân còn hạn chế, tính hội nhập chưa cao.

Trước hết, nói về trình độ chuyên môn của người nông dân. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì đến năm 2007 trên địa bàn nông thôn chỉ mới có

khoảng 12% nông dân được bồi dưỡng nghề nông; 31% cán bộ cấp thôn, bản, xã có trình độ sơ cấp đến trung cấp; 0,3% có trình độ đại học (Cục HTX và Phát triển nông thôn, 2007). Một số liệu từ nguồn khác cho thấy tỉ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo ở khu vực nông thôn từ năm 2008 đến năm 2012 lần lượt như sau: 8,6%; 9,0%; 8,9%; 9,5%; và 10,7% (*Kinh tế 2013–2014 VN và thế giới*). Rõ ràng trình độ chuyên môn của người nông dân còn rất thấp một khi đa phần họ không được qua đào tạo. Tiếp theo là trình độ nhận thức của người nông dân cũng còn nhiều hạn chế, tính thụ động, thủ cựu của người nông dân là một cản trở. Do thoát thai từ một nền kinh tế tiểu nông tự cung tự cấp, người nông dân VN chịu ảnh hưởng nặng nề của lối tư duy cũ. Trình độ chuyên môn, trình độ văn hóa thấp cùng với tập quán canh tác nhỏ lẻ, tác phong lè mề, không biết khai thác thông tin, không biết phán đoán, suy luận một cách logic, có cơ sở khoa học mà chỉ chạy theo cảm tính thuần túy nên người nông dân VN rất dễ rơi vào tình trạng thiếu chủ động, dễ bị tổn thương trước những biến động khó lường của nền kinh tế thị trường, khó có thể đáp ứng yêu cầu của một nền kinh tế hội nhập đầy năng động. Mặc dù VN đã gia nhập vào WTO gần 8 năm, nhưng sự hiểu biết về tổ chức này của người nông dân còn rất hạn chế, càng không nói đến việc vào TPP sắp tới đây sẽ thách thức như thế nào đến nông nghiệp VN. Nói chung người nông dân không có nhiều thông tin về thị trường thế giới, càng không hiểu biết về luật thương mại của các nước, không hiểu các quy định, rào cản kỹ thuật mà các nước đặt ra. Chính vì vậy, khi xảy ra các vấn đề liên quan đến pháp lý thì họ chỉ biết dựa vào các hiệp hội nhưng các hiệp hội ở VN còn mang tính hình thức, chưa đủ mạnh để giúp họ xử lý các vụ việc xảy ra. Vì thiếu hiểu biết nên người nông dân một mặt thì vi phạm, không tuân thủ các yêu cầu của nhà nhập khẩu, mặt khác lại không khai thác được những quy định mà WTO cho phép, nhất là các rào cản kỹ thuật để bảo vệ sản xuất của mình trước những đối thủ cạnh tranh không lành mạnh, v.v..

Đầu tư cho nông nghiệp chưa thoả đáng

Đây vừa là đặc trưng của nền nông nghiệp VN trong nhiều năm qua đồng thời cũng thể hiện sự thiếu quan tâm đúng mức của Chính phủ, là nguyên nhân của nhiều nguyên nhân. Quả thật, chúng ta đã đầu tư quá ít cho nông nghiệp và càng ngày càng giảm, không tương xứng với sự đóng góp của nông nghiệp vào tổng sản phẩm quốc nội (Bảng 2).

Bảng 2

Cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo ngành và tỉ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP của VN giai đoạn 2001–2013 (%)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Đầu tư vào nông nghiệp	9,6	8,8	8,5	7,9	7,5	7,4	6,5	6,4	6,3	6,2	6,0	5,2	5,1
Đầu tư vào công nghiệp	42,4	42,3	41,2	42,7	42,6	42,2	43,5	41,5	40,6	41,3	43,1	43,9	44,0
Đầu tư vào dịch vụ	48,0	48,9	50,3	49,4	49,9	50,4	50,0	52,1	53,1	52,6	50,9	50,9	50,9
Tổng đầu tư	100	100	100,0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Nông nghiệp/GDP	23,3	23,0	22,5	21,8	21,0	20,4	20,3	22,1	20,9	20,6	20,0	19,7	18,4

Nguồn: *Niên giám thống kê năm 2012, Kinh tế 2013–2014 VN và thế giới*

Đầu tư trong nước đã ít, đầu tư của nước ngoài vào nông nghiệp càng ít hơn và có xu hướng giảm mạnh qua các năm. Nếu năm 2004 FDI trong nông nghiệp còn chiếm 5,83% trong tổng FDI vào VN thì đến năm 2012 con số này chỉ còn là 0,6%, năm 2013 có tăng lên được một chút và đạt 1,46% (Bảng 3).

Bảng 3

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp và tỉ trọng trong tổng FDI

Năm	Đầu tư vào nông nghiệp (1.000 USD)	Tỉ trọng trong tổng FDI (%)
2002	1.427,8	3,36
2003	1.551,0	3,50
2004	2.764,6	5,83
2005	3.795,0	5,78
2006	3.807,5	5,16
2007	4.415,5	2,78
2008	4.221,0	2,19
2009	4.379,1	2,27
2010	3.218,0	1,55

Năm	Đầu tư vào nông nghiệp (1.000 USD)	Tỉ trọng trong tổng FDI (%)
2011	3.266,0	2,10
2012	87,8	0,6
2013	169,4	1,46

Nguồn: *Kinh tế 2001–2002 đến 2012–2013 VN và thế giới* và Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Những áp lực phải thay đổi

Rõ ràng với những đặc trưng cơ bản trên đây thì nền nông nghiệp VN không thể phát triển một cách bền vững được. Cùng với những áp lực từ nhiều phía bắt buộc nông nghiệp VN phải có những cải cách căn bản. Vậy áp lực đó là gì?

Trước hết, sau một thời gian phát triển khá tốt, với tốc độ tăng trưởng bình quân cao trên 4%/ năm. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, VN đã trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về các mặt hàng nông sản như: lúa, gạo, cà phê, cao su, tiêu, điều và cả thủy sản như tôm, cá tra, cá basa, v.v.. Những thành công đó chính là nhờ có sự giải phóng năng lực sản xuất (bằng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và cụ thể hóa bằng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị) thông qua việc coi hộ nông dân là đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp, người nông dân thực sự được làm chủ trên mảnh đất của mình. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đã hỗ trợ nông dân các nguồn vốn, khoa học và công nghệ, thực hiện xóa đói giảm nghèo, giảm, miễn thuế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, v.v.. Tất cả đã tạo nên động lực to lớn làm cho người nông dân phấn khởi yên tâm sản xuất và đã gặt hái nhiều thành công. Tuy nhiên, những động lực đó đến nay đã bão hòa, người nông dân không còn lạc quan tin tưởng vào Nhà nước như trước đây nữa, họ lại tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, đời sống không được cải thiện bao nhiêu, nghèo vẫn hoàn nghèo, khoảng cách thu nhập ngày càng giãn ra so với người dân ở thành thị. Như vậy, Nhà nước cần phải đưa ra các chính sách mới trong bối cảnh tình hình kinh tế đã có nhiều thay đổi nhằm tạo động lực mới cho người nông dân. Ngoài ra, chính sản xuất theo quy mô hộ gia đình do kết quả của khoán hộ như trên càng làm cho những mặt trái của nó là quy mô nhỏ, manh mún, kém hiệu quả bộc lộ rõ nét hơn.

Thứ hai, vì nền sản xuất theo chiều rộng là chính nên các yếu tố đầu vào là đất đai, lao động đã đến mức tới hạn. Về đất đai, do dân số mỗi năm mỗi tăng cùng với việc mở mang các khu đô thị, xây dựng các khu công nghiệp, xây dựng CSHT, đường sá giao

thông, và một bộ phận nông dân bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp và dịch vụ mà đất nông nghiệp càng ngày càng giảm sút. Tính bình quân mỗi năm đất nông nghiệp bị giảm tới 75.000 ha (Cục HTX, và Phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2007). Về lao động, mặc dù dân số trong nông nghiệp vẫn tăng bình quân mỗi năm khoảng gần 1,5% và số người đến tuổi lao động là gần 100.000; tuy nhiên, mấy năm qua do chuyển dịch cơ cấu ngành, các ngành nghề thủ công bị mai một, sản xuất nông nghiệp bấp bênh vì chưa nắm bắt được thị trường nên có một bộ phận nông dân ra thành phố, về các khu công nghiệp kiếm việc làm, hoặc là đi xuất khẩu lao động, nhiều nhất là nam nữ thanh niên đang trong độ tuổi lao động, nhiều vùng quê hiện nay chỉ còn người già và em nhỏ. Ở nhiều địa phương ruộng đất bỏ hoang hóa, thậm chí đến kì thu hoạch chẳng có người làm. Rõ ràng, lao động trong nông nghiệp hiện nay cũng đang có xu hướng giảm dần một cách tương đối.

Thứ ba, thế giới những năm gần đây đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật. Trong nông nghiệp, người ta đã đưa rất nhiều giống mới, năng suất cao và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ biến đổi gen tạo ra những sản phẩm chất lượng vẫn đảm bảo mà năng suất rất cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT, nhiều nước đã biết vận dụng rất hiệu quả của ngành công nghiệp khai thác chất xám này vào nông nghiệp, thực hiện quản lý tự động. Cùng với sự phát triển nhiều hệ thống máy móc thiết bị trong nông nghiệp nên mức độ cơ giới hóa trong nông nghiệp ở nhiều nước đạt rất cao. Rõ ràng nếu không đổi mới, không ứng dụng mạnh mẽ KHKT thì nông nghiệp VN suốt đời cũng chỉ là một nền nông nghiệp lạc hậu, yếu kém, không thể cạnh tranh được với nhiều nước trên thế giới và ngay cả trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, v.v. tức là rơi vào cái vòng luẩn quẩn: Lạc hậu → năng suất thấp → đói nghèo → lạc hậu.

Thứ tư, những năm gần đây, thế giới đang phải đối mặt nghiêm trọng với biến đổi khí hậu mà biểu hiện rõ nhất chính là sự nóng lên của trái đất, làm băng tan, nước biển dâng cao, là các hiện tượng thời tiết bất thường như bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán, giá rét kéo dài, rét đậm rét hại, v.v.. Tất cả đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp - ngành tiếp xúc trực tiếp với môi trường thiên nhiên. Dự báo trên thế giới có khoảng 1,8 tỉ người sẽ gặp khó khăn về nước sạch và 600 triệu người bị suy dinh dưỡng vì thiếu lương thực, thực phẩm và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Theo dự báo của Liên Hiệp Quốc thì VN là một trong 4 nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Đến cuối thế kỉ này, nhiệt độ trung bình ở nước ta sẽ tăng lên khoảng 30 độ và sẽ tăng số đợt, số

ngày nắng nóng trong năm, mực nước biển sẽ dâng cao 1m, làm mất 12,2 % diện tích đất là nơi cư trú của 17 triệu người, thiệt hại lên đến 10% GDP. Riêng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 có khoảng 45% diện tích khu vực này bị nhiễm mặn (Danang.gov.vn). Biến đổi khí hậu làm cho các hệ thống nông nghiệp bị phá vỡ, là một thách thức lớn đối với nông nghiệp VN đòi hỏi phải thay đổi quan điểm, cách thức sản xuất kinh doanh, cách thức khai thác tài nguyên rừng và biển, xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn - lĩnh vực nhạy cảm và dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu, để giảm thiểu tác động tiêu cực, góp phần phát triển bền vững trong nông nghiệp.

Thứ năm, VN ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực, tham gia vào các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế thông qua các hiệp định song phương và đa phương là sức ép rất lớn đối với nông nghiệp VN. Trước hết, hàng hóa nông sản của VN phải đáp ứng các yêu cầu khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm khi thâm nhập vào thị trường các nước, nhất là các nước phát triển thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã đàm phán với EU, Nhật, Hàn Quốc, Liên minh Hải quan VN, Cộng hòa Liên bang Nga, Belarus, và Kazakhstan (tuy không phải là nước phát triển nhưng một số nước trên cũng đưa ra những yêu cầu rất cao đối với sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu). Đồng thời hàng hóa nông sản của VN cũng phải chịu sự cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm nông nghiệp từ các nước thành viên trong các tổ chức liên kết như TPP, đặc biệt là sản phẩm chăn nuôi. Riêng đối với một số sản phẩm VN có lợi thế như gạo, cà phê, cao su, tiêu, điều, chúng ta cũng phải cạnh tranh gay gắt với chính các nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, đặc biệt là với Campuchia và Mianma - hai nước rất có tiềm năng về xuất khẩu gạo trong tương lai. Trong khi diện tích trồng lúa của VN chỉ là 4 triệu ha, thì của Mianma đã là 10 triệu ha và tiềm năng lên tới 20 triệu ha. Hiện nay hai nước này đang là những đối thủ cạnh tranh với VN về những loại gạo phẩm cấp thấp vào các thị trường Trung Quốc, Phillippines, Indonesia, v.v.. Như vậy, hướng đi tới của VN về lúa gạo phải là sản xuất và xuất khẩu những loại gạo có phẩm cấp cao lên tới 600-900 USD/1 tấn.

4. Các giải pháp đề xuất

Như vậy, những áp lực và thách thức mới đối với nông nghiệp đòi hỏi VN phải có những thay đổi căn bản cả trong nhận thức lẫn hành động thì mới có thể đưa ngành nông

ngành phát triển một cách hiệu quả và bền vững được. Vậy đó là những giải pháp gì? Theo tác giả cần phải áp dụng đồng bộ các giải pháp sau đây:

Làm lại quy hoạch: Chính phủ cần rà soát lại toàn bộ công tác quy hoạch trong thời gian qua và mạnh dạn đầu tư kinh phí để làm lại quy hoạch trên cơ sở xác định lợi thế so sánh của từng vùng. Mỗi xã phải chọn ra những cây con chủ lực. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phải gắn với quy hoạch chế biến, vùng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, v.v.. Có nghĩa là quy hoạch phải diễn ra đồng bộ, kết nối xuyên suốt cả 3 khâu trong một chu trình sản xuất đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra, đó là sản xuất - chế biến và tiêu thụ. Bên cạnh đó, quy hoạch các ngành khác như công nghiệp, xây dựng, v.v. cũng phải gắn với quy hoạch nông nghiệp, không phá vỡ quy hoạch nông nghiệp. Để làm tốt công tác quy hoạch đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa trung ương với các địa phương, giữa các địa phương với nhau và các ban ngành có liên quan. Tuy nhiên, điều quan trọng vẫn là trình độ chuyên môn của đội ngũ làm quy hoạch.

Thúc đẩy nhanh hơn tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Đứng trước tình trạng đi xuống của ngành nông nghiệp, ngày 10/6/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 899/QĐ - TTg phê duyệt đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tính đến ngày 10/5/2014 có 23/63 tỉnh, thành phố đã ban hành đề án hoặc có kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp tại địa phương mình và có những địa phương đã triển khai trong thực tiễn. Theo đó, nông nghiệp phải phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững với mục tiêu phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành bình quân từ 2,6-3% trong giai đoạn 2011-2015, từ 3,5-4% trong giai đoạn 2016-2020. Như vậy, nông nghiệp được coi là ngành đầu tiên cần tái cấu trúc, chứng tỏ khu vực này đang có rất nhiều vấn đề bất cập mà Chính phủ cũng đã sớm nhận ra. Từ những thực trạng bất hợp lý trong ngành nông nghiệp thời gian qua, nội dung của tái cơ cấu nền nông nghiệp cần phải giải quyết các vấn đề như: Thay đổi cơ cấu trồng trọt theo hướng giảm diện tích trồng lúa, tăng diện tích các cây lương thực hoa màu khác, đặc biệt là bắp và đậu tương; trong chăn nuôi, bên cạnh ngành nuôi heo truyền thống của VN thì chăn nuôi gia cầm cần được phát triển mạnh mẽ vì loại này tiêu tốn ít thức ăn, chu kỳ sản xuất ngắn, dịch bệnh ít. Bên cạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải gắn liền với cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người nông dân. Tái cơ cấu nông nghiệp phải gắn liền với quy hoạch lại; tái cơ cấu ngành sản xuất phải gắn liền với tái cơ cấu đầu tư theo hướng tăng đầu tư của tư nhân và thu hút mạnh hơn đầu tư của nước ngoài.

Tổ chức lại sản xuất: Ở thời điểm sau năm 1986, tức là sau khi nông hộ được khẳng định là đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp và nó đã phát huy tốt vai trò của mình trong suốt gần 30 năm qua thể hiện bằng các kết quả mà toàn ngành nông nghiệp đã đạt được. Tuy nhiên, đến nay môi trường đã thay đổi rất nhiều, cả trong nước và quốc tế trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, trước những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm, trước những cơ chế khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường, v.v. thì quy mô cấp hộ nhỏ lẻ như trước đây không còn phù hợp nữa. Thực tế cuộc sống đòi hỏi phải có những hình thức tổ chức sản xuất quy mô lớn hơn, hiện đại hơn mới đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế như giao đất lâu dài cho người nông dân, không hạn chế hạn điền nhằm tạo ra những cánh đồng quy mô lớn, thu hút nhiều tầng lớp dân cư vào kinh doanh nông nghiệp. VN cần tiếp tục phát triển các trang trại quy mô lớn, đồng thời tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Cần lưu ý rằng hình thức hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp là khá phù hợp trong điều kiện của VN hiện nay, không nên có tư tưởng bài xích hình thức tổ chức sản xuất là hợp tác xã. Trên thế giới, hình thức tổ chức sản xuất này rất phổ biến đã có từ rất lâu và hoạt động liên tục đến ngày nay. Thí dụ ở Hà Lan, hợp tác xã có lịch sử hơn 100 năm và hiện là nơi cung cấp các sản phẩm nông nghiệp chủ chốt: 100% sản phẩm bột khoai tây; 94% sản phẩm bơ; 92% sản phẩm phô mai; 90% thức ăn gia súc; 87% sản phẩm sữa, v.v.. (Báo điện tử Chính phủ, 2014). Ở Nhật, đa số các nông trại đều tham gia các hợp tác xã; ở nhiều nước như Đức, Pháp, Phần Lan, Mỹ, v.v. hình thức hợp tác xã cũng đã có từ hàng trăm năm và hoạt động rất hiệu quả, góp phần đưa một số nước này trở thành những quốc gia đứng hàng đầu thế giới về sản xuất nông nghiệp như Mỹ, Đức, Hà Lan, v.v.. Hình thức hợp tác còn phổ biến ở các nước ASEAN như Thái Lan, Indonesia, v.v.. Bên cạnh đó, thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn vào nông nghiệp VN, hình thành các tập đoàn sản xuất nông nghiệp quy mô lớn khép kín từ A tới Z cũng là một hướng đi lâu dài trong việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Muốn vậy phải có các chính sách thoả đáng cho họ, đặc biệt là thời gian thuê đất, giá thuê đất, v.v..

Tăng cường tính liên kết trong sản xuất nông nghiệp: Trước hết là phải củng cố mối liên kết “4 nhà”. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, điều hòa được các mối quan hệ trong chuỗi liên kết; nhà doanh nghiệp đóng vai trò là hạt nhân và là mắt xích quan trọng nhất trong chuỗi liên kết “4 nhà” vì là người trực tiếp cung cấp các yếu tố đầu vào, giải quyết các sản phẩm đầu ra cho người nông dân; nhà nông là người trực tiếp sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất ra những sản phẩm đủ tiêu chuẩn tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhà khoa học đóng vai trò rất quan trọng trong liên kết giữa các nhà, giúp

sản xuất của người nông dân đạt hiệu quả cao hơn, đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt hơn thông qua tri thức, kiến thức và công nghệ mà họ chuyển giao cho người nông dân. Cần chú ý người nông dân và lợi ích của họ trong liên kết “4 nhà” phải được coi là quan trọng nhất, thiếu họ thì không có sản xuất nông nghiệp, họ là người sản xuất, tiếp xúc trực tiếp với hệ thống cây trồng, vật nuôi, và là người vất vả nhất. Còn các đối tượng khác chỉ là trung gian, và là chất xúc tác mà thôi nhưng nếu thiếu họ thì người nông dân cũng không thể sản xuất kinh doanh hiệu quả được. Để liên kết “4 nhà” thực hiện tốt, Nhà nước cần tạo hành lang pháp lý phù hợp, thực hiện các biện pháp chế tài để giải quyết các tranh chấp xảy ra giữa các bên liên kết, nhất là vi phạm hợp đồng giữa nhà doanh nghiệp và nhà nông.

Liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn thể hiện liên kết giữa các địa phương trong chuỗi sản xuất và cung ứng. Nhất là những tỉnh gần nhau có cơ cấu ngành gần nhau thì nên liên kết lại để hình thành những vùng chuyên canh liên tỉnh quy mô lớn, thuận tiện cho việc cơ giới hóa, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết giữa các địa phương gần nhau còn là để chia sẻ cơ sở hạ tầng, đường sá giao thông, thậm chí cả cơ sở chế biến, tạo điều kiện để sử dụng có hiệu quả hơn các yếu tố đầu vào, góp phần làm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nếu sau này hình thành các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới thì liên kết giữa các hợp tác xã chuyên ngành cũng là một hướng hợp tác cần tính đến. Không chỉ các tỉnh gần nhau mới liên kết được mà cả các tỉnh ở xa vẫn có thể liên kết. Thí dụ các tỉnh ĐBSCL có thể liên kết với các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ để tiêu thụ trái thanh long, dưa hấu; ngược lại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng có thể liên kết với các tỉnh ĐBSCL để tiêu thụ trái vải thay vì phải xuất khẩu sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn. Chỉ có liên kết, người nông dân mới không bị chèn ép vì đã có một sức mạnh vượt trội. Chẳng những liên kết trong nước giữa các địa phương mà còn mở rộng phạm vi liên kết đến cả những nước láng giềng có cùng ngành sản xuất như với Thái Lan, Campuchia, Mianma để sản xuất lúa gạo; với Indonesia, Malaysia để sản xuất cao su, v.v. nhất là khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) trở thành hiện thực vào cuối năm 2015.

Nâng cao trình độ dân trí cho người lao động, tăng cường sự hội nhập vào nền nông nghiệp thế giới: Muốn nông nghiệp VN sản xuất có hiệu quả, ngày càng có chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới; nông thôn VN ngày càng đổi mới theo hướng hiện đại; và môi trường tự nhiên ngày càng trong sạch thân thiện thì người nông dân phải được “nâng cấp” về mọi mặt. Trước hết, họ phải được học hành để nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn. Muốn vậy, cần tiếp tục nâng cấp, xây dựng mới trường

lớp ở mọi cấp học. Riêng đối với cấp bậc đại học không nên mở quá nhiều như trong thời gian qua, tỉnh nào cũng có, thậm chí có tỉnh có vài trường đại học. Thay vào đó là mỗi tỉnh nên chú ý đến các hình thức đào tạo nghề trong các trường trung cấp và cao đẳng nhằm tạo ra một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề nhất định, phục vụ cho nhu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa nông thôn, hình thành một đội ngũ “nông dân công nghiệp” làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương của mình. Bên cạnh đó, để thích ứng với nền kinh tế thị trường trong bối cảnh VN ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, phải đáp ứng những quy định của WTO, đòi hỏi người nông dân phải có sự hiểu biết về thị trường thế giới, có đầu óc nhanh nhạy, biết sử dụng CNTT, biết tư duy logic, biết tính toán hiệu quả, biết nhìn về tương lai. Đồng thời người nông dân cũng cần phải có tác phong công nghiệp, làm ăn bài bản, biết tôn trọng hợp đồng đã ký kết, biết bảo vệ môi trường sinh thái, v.v.. Muốn vậy, ngoài việc nâng cao trình độ dân trí cho người nông dân thông qua các phương tiện thông tin truyền thông, các chương trình giáo dục phổ cập quốc gia, người nông dân còn được trang bị kiến thức về lịch sử, văn hóa, về kinh tế, chính trị, ngoại ngữ của VN và của các nước khác trên thế giới, nhất là những nước lớn, những nước láng giềng và những nước có đối tác quan hệ với người nông dân.

Vai trò của Chính phủ là quan trọng nhất: Có thể nói nền nông nghiệp VN có phát triển được hay không, nông thôn VN có đổi mới hay không và người nông dân VN có thực sự được ấm no hạnh phúc hay không phần lớn dựa vào sự quan tâm và thể hiện bằng hành động của Chính phủ. Trước hết, Chính phủ nên quan tâm đến vai trò của nông nghiệp, thực sự coi trọng nông nghiệp, coi nông nghiệp là một ngành liên quan trực tiếp đến đời sống của gần 70 triệu người. Đời sống của họ thay đổi có nghĩa là đất nước VN đã thay đổi. Lịch sử phát triển đất nước trải qua hàng ngàn năm đã minh chứng cho vai trò của nông nghiệp nông thôn và nông dân VN: Trong các cuộc chiến tranh thì cung cấp sức người, sức của, là hậu phương vững chắc; trong công cuộc CNH - HĐH đất nước thì nông nghiệp là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới kinh tế ở VN cũng bắt đầu từ nông nghiệp; trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế thì nông nghiệp là “giá đỡ”, là “lá chắn” cho nền kinh tế. Đầu tiên, nên tăng ngay đầu tư cho nông nghiệp cả từ nguồn vốn trong nước (ít nhất phải là 15% trong tổng đầu tư vốn đầu tư phát triển) và nên có chính sách thoả đáng để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Như vậy, thực thi những chính sách để thu hút FDI vào nông nghiệp phải được coi là một trong những hướng đi quan trọng. Tiếp theo là phải xây dựng được một chiến lược phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, trong đó phải có những dự báo về nhu cầu lương

thực và thực phẩm trong một thời gian dài 20-30 năm trên cơ sở đảm bảo an toàn lương thực quốc gia; nên xác định được mặt hàng chủ lực của từng vùng, từ đó xây dựng quy hoạch theo đặc thù sản phẩm và lợi thế so sánh của từng vùng. Bên cạnh chiến lược phát triển nông nghiệp, Chính phủ phải xây dựng một chiến lược dài hạn để phát triển cơ sở hạ tầng. Nông nghiệp không thể phát triển được nếu đường sá nông thôn không được nâng cấp, thiếu điện, thiếu nước sạch, nhất là ở những vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chính phủ nên ban hành những chính sách thông thoáng hơn cho các nhà khoa học để thu hút chất xám của họ vào nông nghiệp, nhất là áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới, mạnh dạn cử chuyên gia nông nghiệp đi sang các nước có nền nông nghiệp phát triển vượt bậc mặc dù điều kiện khó khăn như Israel, Nhật, v.v.. Ngoài việc xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nông nghiệp phát triển thì vai trò của Chính phủ còn thể hiện rất rõ ở những giải pháp chiến lược để người nông dân được nâng cao trình độ dân trí, trình độ chuyên môn, trình độ hiểu biết nhiều mặt, được sống một cuộc sống ấm no, hạnh phúc và nông thôn thực sự được đổi mới■

Tài liệu tham khảo

- Báo Đất Việt. (2014). *Dân cá tra liên tiếp thua lỗ*. Truy cập ngày 03/08/2014, từ baodatviet.vn/kinh-te/bao-ve-nguoi-tieu-dung/dan-nuoi-ca-tra-lien-tiep-thua-lo-thuc-an-nhap-gia
- Báo Điện tử Chính phủ. (2014). *Bài toán tái cơ cấu nông nghiệp - Nông nghiệp cần trụ đỡ chính sách*. Truy cập ngày 02/07/2014, từ <http://baodientu.chinhphu.vn/Bai-toan-tai-co-cau-nong-nghiep/Nong-nghiep-can-tru-do-chinh-sach/202766.vgp>
- Báo Điện tử Chính phủ. (2014). *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Đây là nút thắt của các nút thắt?*. Truy cập ngày 04/3/2014, từ <http://baodientu.chinhphu.vn/Bai-toan-tai-co-cau-nong-nghiep/Tai-co-cau-nganh-Nong-nghiep-Dau-la-nut-that-cua-cac-nut-that/193889>
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2010). *Cần chú trọng quy hoạch vùng nguyên liệu cho ngành mía đường VN*. Truy cập ngày 15/05/2010, từ http://wcag.mard.gov.vn/pages/news_detail.aspx?NewsId=11789
- Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng. (2012). *Tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới và những tác hại*. Truy cập ngày 27/06/2012, từ http://www.danang.gov.vn/portal/page/portal/danang/chuyen_de/dn_tpmt/ktmt?p_folder_id=14197682&p_main_news_id=29776798
- Hiệp hội điều VN. (2014). *“Bài toán” ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp*. Truy cập ngày 30/10/2014, từ http://www.vinacas.com.vn/index.php?route=common/news/details&news_id=394
- Hoàng Thị Chinh. (2010). *Để nông nghiệp VN phát triển bền vững*. Tạp chí *Phát triển kinh tế*, 236, 11-20.

Hoàng Thị Chinh. (2013). *Làm thế nào để thu hút được nhiều hơn FDI vào nông nghiệp?*. Hội thảo khoa học “Chủ trương, chính sách mới thu hút mạnh mẽ các nguồn lực bên ngoài”, TP.HCM.

Hoàng Thị Chinh. (2014). Liên kết “4 nhà” ở Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và những vấn đề đang đặt ra. Tạp chí *Kinh tế - Kỹ thuật*, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, 9/2014.

Kinh tế 2013–2014 Việt Nam và thế giới.

Kinh tế và dự báo. (2014). *Việt Nam có thể nhập siêu trở lại*. Truy cập ngày 04/12/2014, từ <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/91-1979-nam-2015--viet-nam-co-the-nhap-sieu-tro-lai.html>

Những chủ trương, giải pháp phát triển nông thôn bền vững - công bằng trong tiến trình CNH-HĐH của Việt Nam đến năm 2020, Bài phát biểu của ông Tăng Minh Lộc, Phó cục trưởng Cục HTX và PTNT - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Hội nghị toàn thể ISG. Truy cập ngày 7/11/2007, từ www.isgmard.org.vn

Sài Gòn giải phóng online. (2014). *Hết thời cây cao cao*. Truy cập ngày 14/08/2014, từ <http://sggp.org.vn/nongnghiepkt/2014/8/358037/>

Sài Gòn tiếp thị online. (2014). *Hết hợp đồng, giá gạo rớt*. Truy cập ngày 27/11/2014, từ <http://www.sgtiepthi.vn/het-hop-dong-gia-gao-rot/>

Tổng cục Thống kê. (2012). *Niên giám thống kê năm 2012*.

Trọng Cầm. (2014). *Nông nghiệp thông minh: Ý tưởng nhiều hơn thực tiễn*. Truy cập ngày 30/10/2014, từ <http://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe-thong-tin-vien-thong/204526/nong-nghiep-thong-minh--y-tuong-nhieu-hon-thuc-tien-.html>

Việt Linh. (2014). *Tưới nước ít hơn vẫn đảm bảo năng suất cà phê*. Truy cập ngày 16/04/2014, từ http://www.vietlinh.vn/library/agriculture_plantation/caphe_tuoinuoc.asp